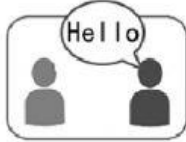


一 . Say aloud the sentence.

Sentence Pattern: ^{bú dàn}不但...^{hái}還... (not only...but also...)



Ex.: 我^{wǒ}不但^{bú dàn}會說英文^{huì shuō yīng wén}, 還^{hái}會說^{huì shuō} 中文^{zhōng wén}。

二 . Drag and drop the pinyin to match the animal pictures. Say aloud each sentence.

- | | | | | | | | |
|----|------------------------------------|-------------------------|---------------------|---|---------------------|---------------------|---|
| 1. | ^{dòng wù yuán lǐ}
動物園裡 | ^{bú dàn}
不但 | ^{yǒu}
有 |  | ^{hái}
還 | ^{yǒu}
有 |  |
| 2. | ^{dòng wù yuán lǐ}
動物園裡 | ^{bú dàn}
不但 | ^{yǒu}
有 |  | ^{hái}
還 | ^{yǒu}
有 |  |
| 3. | ^{dòng wù yuán lǐ}
動物園裡 | ^{bú dàn}
不但 | ^{yǒu}
有 |  | ^{hái}
還 | ^{yǒu}
有 |  |

dà xiàng xióng māo lǎo hǔ qì é cháng jǐng lù hóu zi